

Trường Cộng đồng Santa Clara County Community School

Phiếu báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học

Báo cáo Sử dụng Dữ liệu Năm học 2019-2020

Được xuất bản trong năm học 2020-2021

Đến ngày 1 tháng 2 hàng năm, mọi trường học ở California được luật tiểu bang yêu cầu xuất bản Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học (tiếng Anh gọi là "School Accountability Report Card", viết tắt là SARC). SARC có thông tin về tình trạng và thành tích của từng trường công lập ở California. Theo Công thức Tài trợ Kiểm soát Địa phương (tiếng Anh là "Local Control Funding Formula", viết tắt là LCFF), tất cả các cơ quan giáo dục địa phương (gọi tắt là LEA) được yêu cầu chuẩn bị Kế hoạch về Trách nhiệm Giải trình và Kiểm soát tại Địa phương (tiếng Anh là "Local Control and Accountability Plan", viết tắt là LCAP), để mô tả cách họ dự định đáp ứng các mục tiêu cụ thể của trường học hàng năm cho tất cả học sinh, với các hoạt động cụ thể để giải quyết các ưu tiên của tiểu bang và địa phương. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và cách truy cập vào các báo cáo của năm trước, hãy xem trang mạng SARC của Bộ Giáo dục California (CDE) tại <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, hãy xem trang mạng LCFF của CDE tại <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về nhà trường, phụ huynh/người giám hộ và các thành viên cộng đồng nên liên lạc với hiệu trưởng của trường hoặc văn phòng học khu.

DataQuest

DataQuest là một công cụ dữ liệu trực tuyến trên trang mạng DataQuest tại <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> cung cấp thông tin bổ sung về trường này và các so sánh của trường với học khu và quận. Cụ thể, DataQuest là một hệ thống động cung cấp các báo cáo về trách nhiệm giải trình (ví dụ: dữ liệu về các kỳ thi, học sinh ghi danh, học sinh tốt nghiệp trung học, học sinh bỏ học, lớp học được đăng ký, nhân sự và dữ liệu liên quan đến các học sinh chưa thạo tiếng Anh).

Bảng Dữ liệu về Trường học của California

Bảng Dữ liệu về Trường học của California (tiếng Anh là "California School Dashboard", gọi ngắn là "Bảng Dữ liệu") <https://www.caschooldashboard.org/> phản ánh trách nhiệm giải trình mới và hệ thống cải tiến liên tục của California và cung cấp thông tin về cách các LEA và trường học đáp ứng nhu cầu của số lượng học sinh đa dạng của California. Bảng Dữ liệu có các báo cáo cho thấy hiệu suất của LEA, trường học và các nhóm học sinh trên một loạt cách đo lường của tiểu bang và địa phương để hỗ trợ trong việc xác định điểm mạnh, thử thách và lĩnh vực cần cải thiện.

Giới thiệu về Trường này

Thông tin liên lạc của nhà trường (Năm học 2020-2021)

| Thực thể | Thông tin liên lạc |
|------------------------------------|--|
| Tên trường học | Trường Cộng đồng Santa Clara County Community School |
| Địa chỉ | 258 Sunol Street MC 331 |
| Thành phố, Tiểu bang, Mã bưu chính | San Jose, CA 95131-2304 |
| Số điện thoại | (408) 573-3250 |
| Hiệu trưởng | Katherine Everett, Ed. D. |
| Địa chỉ email | keverett@sccoe.org |
| Trang mạng | www.sccoe.org |
| Mã Quận-Học khu-Trường (CDS) | 43104394330320 |

Thông tin liên lạc của Học khu (Năm học 2020-2021)

| Thực thể | Thông tin liên lạc |
|---------------|---|
| Tên Học khu | Phòng Giáo dục Santa Clara County Office of Education |
| Số điện thoại | (408) 453-6500 |
| Tổng giám đốc | Mary Ann Dewan, Ph.D. |
| Địa chỉ email | maryann_dewan@sccoe.org |
| Trang mạng | www.sccoe.org |

Mô tả về Trường học và Tuyên bố Sứ mệnh (Năm học 2020-2021)

Tầm nhìn của Chương trình AED:

Để trở thành "gương mẫu xuất sắc trong học tập và sự an lành của học sinh", chúng tôi cam kết hướng dẫn, truyền cảm hứng và hỗ trợ học sinh bằng cách tạo cơ hội cho các em khám phá tiềm năng, phát triển nhân cách và tối đa hóa khả năng học tập để các em có thể trở thành những người học độc lập suốt đời và những công dân hữu ích.

Sứ mệnh của AED:

Học sinh của chúng tôi sẽ học trong một môi trường được cá nhân hóa nhằm nâng cao phẩm giá con người và thúc đẩy thành công trong học tập, xã hội, tình cảm và cá nhân.

Dịch vụ của AED

Bộ Giáo dục Thay thế (tiếng Anh là "Alternative Education Department", viết tắt là AED) cung cấp các dịch vụ giáo dục cho những học sinh không thành công trong các môi trường giáo dục khác vì nhiều lý do, bao gồm nhưng không chỉ có: các vấn đề xã hội, tình cảm, kinh tế và pháp luật. Bộ Giáo dục Thay thế phục vụ thanh thiếu niên có nguy cơ không tốt nghiệp và bị giam giữ trong hai loại môi trường: (1) Cơ sở của Bộ Quản chế Vị thành niên; Các cơ sở Giam cầm Trẻ vị thành niên và (2) Trường học Cộng đồng phục vụ học sinh được thả từ các học khu chính thức của các em. AED nhấn mạnh việc cải thiện khả năng đọc viết, làm toán và kỹ năng xã hội của học sinh. AED cũng cung cấp cơ hội chuẩn bị cho việc làm trong tương lai thông qua các khóa học phát triển việc làm và Giáo dục Kỹ thuật và Nghề nghiệp (tiếng Anh là "Career and Technical Education", viết tắt là CTE). Tất cả học sinh tham gia Kỳ thi Đánh giá Thành tích và Tiến bộ của Học sinh của California (tiếng Anh là "California Assessment of Student Performance and Progress", viết tắt là CAASPP) và Học sinh chưa thạo Anh ngữ được tham gia Kỳ thi Đánh giá Trình độ Anh ngữ của California (tiếng Anh là "English Language Proficiency Assessment of California", viết tắt là ELPAC). Khóa học AED với các môn học cốt lõi đáp ứng các Tiêu chuẩn Nội dung Học thuật của California, và học sinh tích cực lấy được điểm môn học để tốt nghiệp. Học sinh tham dự các lớp học theo sự sắp xếp của hệ thống tư pháp cho trẻ vị thành niên hoặc thông qua giới thiệu từ các học khu tại địa phương. Thời gian đi học trung bình của học sinh là 1-2 học kỳ.

Bộ Giáo dục Thay thế của Phòng Giáo dục Santa Clara County Office of Education được công nhận bởi Hiệp hội Western Association of Schools and Colleges (WASC) và cam kết cung cấp một môi trường giáo dục thúc đẩy sự phát triển về khả năng đọc viết, kỹ năng theo thế kỷ 21, tính kiên cường và các kỹ năng xã hội phù hợp để giúp các học sinh có một cuộc sống thành công.

Số lượng học sinh theo khối lớp (Năm học 2019-2020)

| Khối lớp | Số lượng học sinh |
|------------------|-------------------|
| Lớp 7 | 2 |
| Lớp 8 | 6 |
| Lớp 9 | 42 |
| Lớp 10 | 27 |
| Lớp 11 | 11 |
| Lớp 12 | 7 |
| Tổng số học sinh | 95 |

Số lượng học sinh theo thể loại nhóm (Năm học 2019-2020)

| Nhóm học sinh | Tỷ lệ học sinh |
|---|----------------|
| Người da đen hoặc người Mỹ gốc Phi | 5,3 |
| Người Mỹ da đỏ hoặc thổ dân Alaska | 1,1 |
| Người Châu Á | 4,2 |
| Người Tây Ban Nha hoặc Mỹ La-tin | 69,5 |
| Người da trắng | 17,9 |
| Người lai hai hoặc đa chủng tộc | 2,1 |
| Khó khăn về kinh tế xã hội | 65,3 |
| Học sinh chưa thạo tiếng Anh | 20 |
| Học sinh khuyết tật | 13,7 |
| Thanh thiếu niên trong chương trình Nuôi dưỡng ("Foster Youth") | 1,1 |
| Vô gia cư | 4,2 |

A. Điều kiện học tập

Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp các thông tin sau liên quan đến mức độ ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản (Ưu tiên 1):

- Mức độ mà giáo viên được phân công phù hợp và có đầy đủ chứng chỉ về môn học dành cho học sinh mà họ giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy phù hợp với tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường bảo trì tốt

Chứng chỉ của giáo viên

| Giáo viên | Trường học 2018-19 | Trường học 2019-20 | Trường học 2020-21 | Học khu 2020-21 |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------|
| Có đầy đủ chứng chỉ | 5 | 5 | 7 | 198 |
| Không có đầy đủ chứng chỉ | 1 | 2 | 1 | 7 |
| Dạy các môn không thuộc sở trường (với đầy đủ chứng chỉ) | 0 | 0 | 0 | 0 |

Bổ nhiệm sai giáo viên và các chức vị giáo viên bị bỏ trống

| Chỉ số | 2018-19 | 2019-20 | 2020-21 |
|---|---------|---------|---------|
| Bổ nhiệm sai giáo viên dạy học sinh chưa thạo tiếng Anh | 0 | 0 | 0 |
| Tổng số lần bổ nhiệm sai chức vị cho giáo viên* | 0 | 0 | 0 |
| Các chức vị giáo viên bị bỏ trống | 0 | 0 | 0 |

Lưu ý: "Bổ nhiệm sai" là số lượng chức vị được giữ bởi những giáo viên không được ủy quyền hợp pháp để giảng dạy cấp lớp, môn học, nhóm học sinh đó, v.v.

* Tổng số trường hợp bổ nhiệm sai giáo viên bao gồm số lượng trường hợp bổ nhiệm sai giáo viên cho người học tiếng Anh.

Chất lượng, Sự lưu hành, Tính sẵn có của Sách giáo khoa và Tài liệu Giảng dạy khác (Năm học 2020-2021)

Năm và tháng mà dữ liệu được thu thập: Tháng 12 năm 2020

Các Trường Cộng đồng Santa Clara County Community School sử dụng chương trình giảng dạy trực tuyến Edgenuity như một phần bổ sung cho sách giáo khoa đã được chấp thuận để dùng. Edgenuity tạo cơ hội cho việc kết hợp hai chương trình học (học tại trường và học từ xa) và việc học từ xa. Chương trình này dựa trên các tiêu chuẩn để cung cấp một chương trình giảng dạy toàn diện cho tất cả học sinh.

| Môn | Sách giáo khoa và các tài liệu khác Tài liệu/năm được chọn | Theo lần được chọn mới nhất? | Tỷ lệ học sinh thiếu sách để dùng riêng |
|-------------------------|--|------------------------------------|---|
| Độc/Ngữ văn | Pearson English 2018; Character Based Literacy -2012 Write Source-2011 EDGE and INSIDE-2012. | Đúng | 0% |
| Toán | Pearson, Integrated Math I, II and III - 2015 | Đúng | 0% |
| Khoa học | Holt, Physical and Earth Science - 2010 Prentice, Hall Biology - 2010 Holt Earth Khoa học | Đúng | 0% |
| Lịch sử-Khoa học xã hội | Prentice Hall, The Modern Era and World History - 2012 Prentice Hall, United States History: Modern - 2012 | Đúng | 0% |

| Môn | Sách giáo khoa và các tài liệu khác Tài liệu/năm được chọn | Theo lần được chọn mới nhất? | Tỷ lệ học sinh thiếu sách để dùng riêng |
|--|---|------------------------------------|---|
| Ngoại ngữ | Không có | | 0% |
| Sức khỏe | Glencoe, Health, A Guide to Wellness - 2009 | Đúng | 0% |
| Nghệ thuật tạo hình và biểu diễn | Không có | | 0% |
| Thiết bị Phòng thí nghiệm Khoa học (lớp 9-12) | Nhiều chương trình trực tuyến cũng như trên CD: Một số tựa đề: * Forensic Science Labs * Earth Science Labs * Biology Science Labs | Đúng | 0% |

Lưu ý: Các ô "Không có" không cần dữ liệu.

Tình trạng Cơ sở vật chất và Cải tiến được dự kiến cho trường học

Các trường Santa Clara County Community School phục vụ học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông và học tập độc lập. Trong năm học 2018-19, các trường đã trải qua quá trình tu bổ bao gồm việc nâng cấp các phòng học. Các địa điểm của Trường Cộng đồng SCCOE bao gồm trường Sunol Community School ở San Jose và trường South County Community School ở Gilroy. Các nâng cấp gần đây đã được thực hiện cho các lớp học và hệ thống an ninh cũng như cơ sở hạ tầng xây dựng.

Tình trạng sửa chữa tốt của cơ sở trường học

Sử dụng dữ liệu FIT được thu thập gần đây nhất (hoặc tương đương), cung cấp những điều sau:

- Xác định tình trạng sửa chữa cho các hệ thống được liệt kê
- Mô tả việc bảo trì cần thiết để đảm bảo việc sửa chữa tốt
- Năm và tháng mà dữ liệu được thu thập
- Đánh giá mỗi hệ thống được kiểm tra
- Đánh giá tổng thể

Năm và tháng của báo cáo FIT gần đây nhất: Tháng 8 năm 2019

| Hệ thống được kiểm tra | Đánh giá | Sửa chữa cần thiết và Hành động được thực hiện, hoặc được lên kế hoạch |
|---|----------|--|
| Hệ thống: Rò rỉ khí, Cơ khí/HVAC, Hệ thống thoát nước | Tốt | |
| Nội thất: Bề mặt nội thất | Tốt | |
| Mức sạch sẽ: Mức sạch sẽ tổng thể, Côn trùng/chuột phá hoại | Tốt | |
| Điện: Hệ thống điện | Tốt | |
| Phòng vệ sinh/Máy phun nước uống: Phòng vệ sinh, Bồn rửa/Máy phun nước uống | Tốt | |
| An toàn: An toàn cháy nổ, vật liệu nguy hiểm | Tốt | |
| Cấu trúc: Thiệt hại về cấu trúc, Mái nhà | Tốt | |
| Bên ngoài: Sân chơi/Trường học Mặt đất, Cửa sổ/Cửa/Cổng/Hàng rào | Tốt | |
| Đánh giá tổng thể | Tốt | |

B. Kết quả của học sinh

Ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích Học sinh

SARC cung cấp những thông tin sau liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích của học sinh (Ưu tiên 4):

- **Kỳ thi toàn tiểu bang** (ví dụ: Hệ thống Đánh giá Thành tích và Tiến bộ của Học sinh [CAASPP] của California, bao gồm các bài thi tổng kết Smarter Balanced Summative Assessment dành cho học sinh trong giáo dục phổ thông và bài thi thay thế California Alternate Assessment [CAA] cho môn Anh văn/Đọc viết tiếng Anh [ELA] và toán học cho lớp ba đến lớp tám và lớp mười một. Chỉ những học sinh đủ điều kiện mới có thể lấy bài thi CAA. Các phần trong bài thi CAA phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích thay thế, được liên kết với Tiêu chuẩn Common Core của Tiểu bang [CCSS] dành cho học sinh có khuyết tật về nhận thức ở mức nghiêm trọng nhất); và
- Tỷ lệ học sinh đã hoàn thành các môn học đáp ứng yêu cầu vào hệ thống trường Đại học California University of California và California State University, hoặc các trình tự hoặc chương trình giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp.

Kết quả bài thi CAASPP môn ELA và Toán cho tất cả Học sinh - Lớp Ba đến Lớp Tám và Lớp Mười Một

Tỷ lệ Học sinh Đạt hoặc Vượt Tiêu chuẩn Tiểu bang

| Môn | Trường học 2018-19 | Trường học 2019-20 | Học khu 2018-19 | Học khu 2019-20 | Tiểu bang 2018-19 | Tiểu bang 2019-20 |
|---|--------------------|--------------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------------|
| Anh văn/Đọc viết (lớp 3-8 và 11) | 8 | Không có | 55 | Không có | 50 | Không có |
| Toán (lớp 3-8 và 11) | 3 | Không có | 53 | Không có | 39 | Không có |

Lưu ý: Các ô "Không có" không cần dữ liệu.

Lưu ý: Dữ liệu năm học 2019-2020 không có sẵn. Do đại dịch COVID-19, Lệnh điều hành N-30-20 đã được ban hành và miễn quy định thi toàn tiểu bang cho năm học 2019-2020.

Lưu ý: Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh lấy bài thi là mười hoặc ít hơn, vì số học sinh trong danh mục này quá nhỏ so với độ chính xác của thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Lưu ý: Kết quả bài thi ELA và toán bao gồm bài thi tổng kết Smarter Balanced Summative Assessment và CAA. Cột "Tỷ lệ đã đạt hoặc vượt trội" được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn trong kỳ thi tổng kết Smarter Balanced Summative Assessment cộng với tổng số học sinh đạt tiêu chuẩn (tức là đạt được Trình độ 3/Level 3-Alternate) trong kỳ thi CAA chia cho tổng số học sinh đã tham gia cả hai kỳ thi.

Kết quả kỳ thi CAASPP trong môn ELA tính theo Nhóm Học sinh

Lớp Ba đến Lớp Tám và Lớp Mười Một (Năm học 2019-2020)

| Nhóm học sinh | Tổng số học sinh | Số lượng lấy bài thi | Tỷ lệ lấy bài thi | Tỷ lệ không lấy bài thi | Tỷ lệ đạt hoặc vượt trội |
|---|------------------|----------------------|-------------------|-------------------------|--------------------------|
| Tất cả học sinh | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Nam | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Nữ | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người da đen hoặc người Mỹ gốc Phi | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Mỹ da đỏ hoặc thổ dân Alaska | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Châu Á | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Phi-líp-pin | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Tây Ban Nha hoặc Mỹ La-tin | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Hawaii bản địa/Đảo Thái Bình Dương | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người da trắng | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |

| Nhóm học sinh | Tổng số học sinh | Số lượng lấy bài thi | Tỷ lệ lấy bài thi | Tỷ lệ không lấy bài thi | Tỷ lệ đạt hoặc vượt trội |
|--|------------------|----------------------|-------------------|-------------------------|--------------------------|
| Người lai hai hoặc đa chủng tộc | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Khó khăn về kinh tế xã hội | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Học sinh chưa thạo tiếng Anh | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Học sinh khuyết tật | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Học sinh nhận Dịch vụ Migrant Education | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Thanh thiếu niên trong chương trình Foster | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Vô gia cư | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |

Lưu ý: Các ô "Không có" không cần dữ liệu.

Lưu ý: Dữ liệu năm học 2019-2020 không có sẵn. Do đại dịch COVID-19, Lệnh điều hành N-30-20 đã được ban hành và miễn quy định thi toàn tiểu bang cho năm học 2019-2020.

Kết quả kỳ thi CAASPP trong môn Toán tính theo Nhóm Học sinh - Lớp Ba đến Lớp Tám và Lớp Mười Một (Năm học 2019-2020)

| Nhóm học sinh | Tổng số học sinh | Số lượng lấy bài thi | Tỷ lệ lấy bài thi | Tỷ lệ không lấy bài thi | Tỷ lệ đạt hoặc vượt trội |
|--|------------------|----------------------|-------------------|-------------------------|--------------------------|
| Tất cả học sinh | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Nam | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Nữ | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người da đen hoặc người Mỹ gốc Phi | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Mỹ da đỏ hoặc thổ dân Alaska | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Châu Á | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Phi-líp-pin | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Tây Ban Nha hoặc Mỹ La-tin | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Hawaii bản địa/Đảo Thái Bình Dương | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người da trắng | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người lai hai hoặc đa chủng tộc | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Khó khăn về kinh tế xã hội | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Học sinh chưa thạo tiếng Anh | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Học sinh khuyết tật | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Học sinh nhận Dịch vụ Migrant Education | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Thanh thiếu niên trong chương trình Foster | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Vô gia cư | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |

Lưu ý: Các ô "Không có" không cần dữ liệu.

Lưu ý: Dữ liệu năm học 2019-2020 không có sẵn. Do đại dịch COVID-19, Lệnh điều hành N-30-20 đã được ban hành và miễn quy định thi toàn tiểu bang cho năm học 2019-2020.

**Kết quả kỳ thi CAASPP trong môn Khoa học cho Tất cả Học sinh - Lớp Năm, Lớp Tám và Trung học
Tỷ lệ Học sinh Đạt hoặc Vượt Tiêu chuẩn Tiểu bang**

| Môn | Trường học | Trường học | Học khu | Học khu | Tiểu bang | Tiểu bang |
|---|------------|------------|---------|----------|-----------|-----------|
| | 2018-19 | 2019-20 | 2018-19 | 2019-20 | 2018-19 | 2019-20 |
| Khoa học (lớp 5, lớp 8 và trung học) | -- | Không có | 37 | Không có | 30 | Không có |

Lưu ý: Các ô "Không có" không cần dữ liệu.

Lưu ý: Dữ liệu năm học 2019-2020 không có sẵn. Do đại dịch COVID-19, Lệnh điều hành N-30-20 đã được ban hành và miễn quy định thi toàn tiểu bang cho năm học 2019-2020.

Lưu ý: Bài thi Khoa học California (CAST) mới được đưa ra lần đầu tiên vào năm học 2018-2019.

**Kết quả kỳ thi CAASPP trong môn Khoa học tính theo Nhóm Học sinh
Lớp Ba đến Lớp Tám và Lớp Mười Một (Năm học 2019-2020)**

| Nhóm học sinh | Tổng số học sinh | Số lượng lấy bài thi | Tỷ lệ lấy bài thi | Tỷ lệ không lấy bài thi | Tỷ lệ đạt hoặc vượt trội |
|---|------------------|----------------------|-------------------|-------------------------|--------------------------|
| Tất cả học sinh | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Nam | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Nữ | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người da đen hoặc người Mỹ gốc Phi | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Mỹ da đỏ hoặc thổ dân Alaska | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Châu Á | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Phi-líp-pin | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Tây Ban Nha hoặc Mỹ La-tin | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Hawaii bản địa/Đảo Thái Bình Dương | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người da trắng | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người lai hai hoặc đa chủng tộc | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Khó khăn về kinh tế xã hội | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Học sinh chưa thạo tiếng Anh | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Học sinh khuyết tật | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Học sinh nhận Dịch vụ Migrant Education | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Thanh thiếu niên trong chương trình Foster | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Vô gia cư | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |

Lưu ý: Các ô "Không có" không cần dữ liệu.

Lưu ý: Dữ liệu năm học 2019-2020 không có sẵn. Do đại dịch COVID-19, Lệnh điều hành N-30-20 đã được ban hành và miễn quy định thi toàn tiểu bang cho năm học 2019-2020.

Các Chương trình Giáo dục Kỹ thuật Nghề nghiệp (Năm học 2019-2020)

Giáo dục Kỹ thuật Nghề nghiệp ("Career Technical Education", viết tắt là CTE) tập hợp học sinh, nhà giáo và nhà tuyển dụng lại với nhau để phát triển và củng cố mối quan hệ giữa những gì được giảng dạy trong lớp học và việc sử dụng chúng tại nơi làm việc. Các mục tiêu chính là chuẩn bị cho học sinh các kỹ năng của Thế kỷ 21.

CTE bao gồm 15 ngành, trong đó có 58 lộ trình nghề nghiệp liên quan đến tất cả các ngành nghề. Một loạt các môn học được nhóm lại với nhau để kết hợp việc đào tạo học thuật và kỹ thuật để cung cấp cho học sinh một lộ trình học sau trung học và nghề nghiệp.

Các lớp CTE được cung cấp cho học sinh thông qua chương trình học tập trực tuyến và sự hợp tác với các đối tác giáo dục trung tâm trong khu vực. CTE thu hút học sinh, tăng tỷ lệ đi học đều đặn và tốt nghiệp, giúp thu hẹp khoảng cách giữa thành tích và nâng điểm

Trong năm 2019-20, Trường Cộng đồng cung cấp các ứng dụng máy tính như một môn học Giáo dục Kỹ thuật Nghề nghiệp và học sinh được cấp giấy phép lao động. Học sinh trong Chương trình Học tập Độc lập được khuyến khích đăng ký cùng một loạt các môn học của trường đại học cộng đồng.

Tham gia Giáo dục Kỹ thuật Nghề nghiệp (CTE) (Năm học 2019-2020)

| Phương pháp đo lường | Sự tham gia Chương trình CTE |
|---|------------------------------|
| Số học sinh tham gia CTE | 0 |
| Tỷ lệ học sinh hoàn thành Chương trình CTE và lãnh Bằng Tốt nghiệp Trung học | 0 |
| Tỷ lệ các môn học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc khớp nối giữa trường học và các tổ chức sau trung học | 0 |

Các môn học hội đủ điều kiện để được chấp nhận vào trường Đại học California (UC) và/hoặc Đại học Bang California (CSU)

| Đo lường các môn học theo hệ thống UC/CSU | Tỷ lệ |
|--|-------|
| Học sinh đã đăng ký các môn học cần thiết để được vào UC/CSU trong năm học 2019-20 | 0 |
| Học sinh tốt nghiệp đã hoàn thành tất cả các môn học cần thiết để vào UC/CSU trong năm học 2018-19 | 0 |

Mức độ ưu tiên của Tiểu bang: Các kết quả khác của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Các kết quả khác của học sinh (Ưu tiên 8):

- Kết quả của học sinh trong các môn giáo dục thể chất.

Kết quả kỳ thi Môn Thể chất California (Năm học 2019-2020)

| Khối lớp | Tỷ lệ học sinh đạt được 4 trong 6 Tiêu chuẩn thể dục | Tỷ lệ học sinh đạt được 5 trong 6 Tiêu chuẩn thể dục | Tỷ lệ học sinh đạt được tất cả 6 Tiêu chuẩn thể dục |
|----------|--|--|---|
| 5 | Không có | Không có | Không có |
| 7 | Không có | Không có | Không có |
| 9 | Không có | Không có | Không có |

Lưu ý: Các ô "Không có" không cần dữ liệu.

Lưu ý: Dữ liệu năm học 2019-2020 không có sẵn. Do đại dịch COVID-19, Lệnh hành pháp N-56-20 đã được ban hành và miễn quy định yêu cầu thực hiện kỳ thi thành tích thể dục cho năm học 2019-2020.

C. Sự tham gia

Mức độ ưu tiên của tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh

SARC cung cấp thông tin sau liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh (Ưu tiên 3):

- Các nỗ lực của học khu để có ý kiến của phụ huynh trong việc đưa ra các quyết định cho học khu và mỗi trường

Cơ hội cho phụ huynh tham gia (Năm học 2020-2021)

Sự tham gia của phụ huynh/người giám hộ để hỗ trợ học sinh thành công ở trường là điều cực kỳ quan trọng và được mạnh mẽ mời mọc. Hội đồng Nhà Trường (School Site Council) làm việc cộng tác với nhân viên, học sinh và ban giám hiệu để hỗ trợ việc phát triển kế hoạch và ngân sách của trường và theo dõi sự tiến bộ của học sinh, và tất cả phụ huynh/người giám hộ đều được mời tham dự các cuộc họp. Phụ huynh/người giám hộ cũng được mời tham dự các cuộc họp mỗi quý của Ủy ban Cố vấn Phụ huynh cho Kế hoạch về Trách nhiệm Giải trình và Kiểm soát tại Địa phương (LCAP) và cafecitos (cà phê) với hiệu trưởng. Phụ huynh/người giám hộ được bao gồm trong các quy trình tiếp nhận học sinh và các cuộc họp nhóm đa ngành.

Phụ huynh được khuyến khích tham gia vào các buổi họp phụ huynh, đào tạo phụ huynh và hội nghị phụ huynh, và ban giám hiệu thường xuyên liên lạc với phụ huynh về sự tiến bộ của học sinh.

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của học sinh (Ưu tiên 5):

- Tỷ lệ trẻ em cấp trung học phổ thông bỏ học; và
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông.

Tỷ lệ bỏ học và tỷ lệ tốt nghiệp (Tỷ lệ của nhóm học bốn năm)

| Chỉ số | Trường học | Trường học | Trường học | Học khu | Học khu | Học khu | Tiểu bang | Tiểu bang | Tiểu bang |
|-------------------|------------|------------|------------|---------|---------|---------|-----------|-----------|-----------|
| | 2016-17 | 2017-18 | 2018-19 | 2016-17 | 2017-18 | 2018-19 | 2016-17 | 2017-18 | 2018-19 |
| Tỷ lệ bỏ học | 56.5 | 60.6 | 44,4 | 27,1 | 49,3 | 21.2 | 9,1 | 9,6 | 9 |
| Tỷ lệ tốt nghiệp: | 30,4 | 36.4 | 38.9 | 45,8 | 45,3 | 47,6 | 82,7 | 83 | 84,5 |

Ưu tiên của Tiểu bang: Hoàn cảnh trong Trường học

SARC cung cấp những thông tin sau liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Hoàn cảnh trong Trường học (Ưu tiên 6):

- Tỷ lệ đình chỉ học sinh;
- Tỷ lệ trực xuất học sinh; và
- Các biện pháp khác của địa phương về ý thức an toàn.

Đình chỉ học tập và Trực xuất ra khỏi trường

(dữ liệu được thu thập từ tháng 7 đến tháng 6, tương ứng cho nguyên năm học)

| Tỷ lệ | Trường học | Trường học | Học khu | Học khu | Tiểu bang | Tiểu bang |
|------------------------------|------------|------------|---------|---------|-----------|-----------|
| | 2017-18 | 2018-19 | 2017-18 | 2018-19 | 2017-18 | 2018-19 |
| Đình chỉ học tập | 23,6 | 23,0 | 2,9 | 2,3 | 3,5 | 3,5 |
| Trực xuất ra khỏi trường học | 0,0 | 0,0 | 0,0 | 0,0 | 0,1 | 0,1 |

Số học sinh bị đình chỉ học tập và trục xuất trong năm học 2019-2020
(dữ liệu được thu thập từ tháng 7 đến tháng 2, một phần năm học do đại dịch COVID-19)

| Tỷ lệ | Trường học 2019-20 | Học khu 2019-20 | Tiểu bang 2019-20 |
|-------------------------------------|-----------------------|--------------------|----------------------|
| Đình chỉ học tập | 25,6 | Ngày 02 | Không có |
| Trục xuất ra khỏi trường học | 0,0 | 0,0 | Không có |

Lưu ý: Dữ liệu tỷ lệ học sinh bị đình chỉ và trục xuất trong năm học 2019-2020 không được so sánh với dữ liệu của năm trước vì năm học 2019-2020 là năm học bị thiếu do cuộc khủng hoảng COVID-19. Do đó, việc này sẽ không phù hợp nếu so sánh tỷ lệ học sinh bị đình chỉ và trục xuất trong năm học 2019-2020 với các năm trước.

Kế hoạch về An toàn cho Trường học (Năm học 2020-2021)

Các Trường Cộng đồng của SCCOE có một Kế Hoạch An toàn Trường học toàn diện.

Kế hoạch bao gồm các lĩnh vực sau:

- * Sổ tay Ứng phó Khủng hoảng
- * Thủ tục báo cáo về trẻ em bị lạm dụng và hành hạ
- * Thông tin liên lạc khẩn cấp và việc sơ tán
- * Các chính sách liên quan đến các hành động dẫn đến việc đình chỉ và/hoặc trục xuất
- * Thông báo về các thủ tục Khiếu nại Thống nhất
- * Chính sách Chống quấy rối tình dục
- * Các quy trình để học sinh ra vào an toàn

Kế hoạch được cập nhật và xem lại hàng năm vào tháng 3. Ngày phê duyệt cuối cùng là tháng 3 năm 2020. Kế hoạch An toàn Trường học được Hội đồng Nhà trường và Hội đồng Quản trị SCCOE phê duyệt.

D. Thông tin SARC khác

Thông tin trong phần này bắt buộc phải có trong SARC nhưng không được đưa vào các ưu tiên của tiểu bang đối với LCFF.

Quy mô lớp học trung bình và tính toán quy mô lớp học (Tiểu học)

| Khối lớp | 2017-18 | 2017-18 | 2017-18 | 2017-18 | 2018-19 | 2018-19 | 2018-19 | 2018-19 | 2019-20 | 2019-20 | 2019-20 | 2019-20 |
|----------|-----------------------|----------------------------------|--------------------------------|------------------------------|-----------------------|-------------------------------|--------------------------------|------------------------------|-----------------------|-------------------------------|--------------------------------|------------------------------|
| | Quy mô lớp trung bình | Số lượng các lớp học* có 1-20 em | Số lượng các lớp học* có 21-32 | Số lượng các lớp học* có 33+ | Quy mô lớp trung bình | Số lượng các lớp học* có 1-20 | Số lượng các lớp học* có 21-32 | Số lượng các lớp học* có 33+ | Quy mô lớp trung bình | Số lượng các lớp học* có 1-20 | Số lượng các lớp học* có 21-32 | Số lượng các lớp học* có 33+ |
| K | | | | | | | | | | | | |

*Số lượng lớp cho biết có bao nhiêu lớp rơi vào mỗi quy mô lớp (tổng số học sinh cho mỗi lớp).

**Danh mục "Khác" dành cho các lớp có nhiều cấp.

Quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học (Trung học cơ sở)

| Môn học | 2017-18 Quy mô lớp trung bình | 2017-18 Số lượng các lớp học* có 1-20 em | 2017-18 Số lượng các lớp học* có 21-32 | 2017-18 Số lượng các lớp học* có 33+ | 2018-19 Quy mô lớp trung bình | 2018-19 Số lượng các lớp học* có 1-20 | 2018-19 Số lượng các lớp học* có 21-32 | 2018-19 Số lượng các lớp học* có 33+ | 2019-20 Quy mô lớp trung bình | 2019-20 Số lượng các lớp học* có 1-20 | 2019-20 Số lượng các lớp học* có 21-32 | 2019-20 Số lượng các lớp học* có 33+ |
|-----------------|---|--|---|---|---|--|---|---|---|--|---|---|
| Anh văn | 3 | 32 | | | 2 | 10 | | | 5 | 19 | | |
| Ngữ văn | | | | | | | | | | | | |
| Toán | 4 | 20 | | | 4 | 7 | | | 5 | 15 | | |
| Khoa học | 5 | 17 | | | 4 | 7 | | | 5 | 12 | | |
| Khoa học Xã hội | 3 | 26 | | | 3 | 9 | | | 4 | 16 | | |

*Số lượng lớp cho biết có bao nhiêu lớp rơi vào mỗi quy mô lớp (tổng số học sinh cho mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì khối lớp.

Tỷ lệ học sinh cho mỗi Nhà cố vấn Học sinh (Năm học 2019-2020)

| Chức danh | Tỷ lệ |
|----------------------|-------|
| Nhà Cố vấn Học sinh* | 95 |

*Một Đơn vị Toàn thời gian ("Full-time Equivalent", viết tắt là FTE) là một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể tương đương cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50% toàn thời gian.

Nhân viên Dịch vụ Hỗ trợ Học sinh (Năm học 2019-2020)

| Chức danh | Số lượng nhân viên FTE* được chỉ định cho trường |
|--|--|
| Nhà Cố vấn Học sinh (về Học thuật, Xã hội/Hành vi hoặc Phát triển Nghề nghiệp) | 1 |
| Giáo viên Tài liệu Thư viện (Thủ thư) | 1 |
| Nhân viên Dịch vụ Thư viện (Bán chuyên nghiệp) | 1 |
| Nhà tâm lý học | 1 |
| Nhân viên Xã hội | 2 |
| Y tá | 0 |
| Chuyên gia dạy nói/ngôn ngữ/thính giác | 0 |
| Chuyên gia Hỗ trợ (không giảng dạy) | 1 |
| Nhân viên khác | 1 |

* Một Đơn vị Toàn thời gian ("Full-time Equivalent", viết tắt là FTE) là một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể tương đương cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50% toàn thời gian.

Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên của trường (Năm tài chính 2018-2019)

| Cấp | Tổng chi phí cho mỗi học sinh | Chi phí cho mỗi học sinh (Có hạn chế) | Chi phí cho mỗi học sinh (Không hạn chế) | Lương trung bình của giáo viên |
|--|-------------------------------|---------------------------------------|--|--------------------------------|
| Trường học | \$56.413,57 | \$110,93 | \$56.302,14 | \$96.363,56 |
| Học khu | N/A | N/A | \$6018,51 | \$95.977,00 |
| Phần trăm chênh lệch - Trường và Học khu | N/A | N/A | 161,4 | 0,4 |
| Tiểu bang | N/A | N/A | \$7.750,00 | \$82.746,00 |
| Phần trăm Chênh lệch - Trường học và Tiểu bang | N/A | N/A | 151,6 | 15,2 |

Lưu ý: Các ô "Không có" không cần dữ liệu.

Các loại dịch vụ được tài trợ (Năm tài chính 2019-2020)

Title I, Title III, Title IV và quỹ LCFF Supplemental and Concentration cung cấp tài liệu bổ sung cho học sinh thuộc nhóm Học sinh chưa thạo tiếng Anh.

Nguồn tài trợ của LCFF cung cấp dịch vụ tư vấn và bổ sung cho Học sinh chưa thạo tiếng Anh, thanh thiếu niên trong chương trình được nuôi dưỡng và thanh niên có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế.

Kinh phí đào tạo nhân viên hỗ trợ việc phát triển nghề nghiệp và tiền lương của giáo viên.

Nguồn vốn Title I cung cấp:

- Các chương trình an toàn bổ sung
- Các chương trình tư vấn bổ sung
- Tài liệu bổ sung
- Nhân viên bổ sung

Các quỹ LCFF hỗ trợ các chương trình chuẩn bị lên đại học và nghề nghiệp cho tất cả học sinh.

Lương Giáo viên và Nhân viên Hành chính (Năm tài chính 2018-2019)

| Thành phần | Lương tại học khu | Lương trung bình toàn Tiểu bang cho các học khu trong cùng thành phần |
|--|-------------------|---|
| Lương giáo viên mới bắt đầu | \$ 60.228,00 | Không có |
| Lương giáo viên tầm trung | \$ 87.957,00 | Không có |
| Lương giáo viên cao nhất | \$ 115.986,00 | Không có |
| Lương Hiệu trưởng trung bình (Tiểu học) | Không có | Không có |
| Lương Hiệu trưởng trung bình (Trung học cơ sở) | Không có | Không có |
| Lương Hiệu trưởng trung bình (Trung học phổ thông) | \$ 134.325,00 | Không có |
| Lương Giám đốc Học khu | \$ 326.859,64 | Không có |
| Tỷ lệ ngân sách cho lương giáo viên | 15% | Không có |
| Tỷ lệ ngân sách cho lương hành chính | 4% | Không có |

Để biết thông tin chi tiết về mức lương, hãy xem trang mạng của CDE về Lương & Phúc lợi của Nhân viên có Chứng chỉ tại <https://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Môn học Cấp cao ("Advanced Placement", viết tắt là AP) (Năm học 2019-2020)

| Môn | Số lượng môn học AP được cung cấp* | Tỷ lệ học sinh lấy môn học AP |
|----------------------------------|------------------------------------|-------------------------------|
| Khoa học máy tính | Không có | Không có |
| Tiếng Anh | Không có | Không có |
| Nghệ thuật tạo hình và Biểu diễn | Không có | Không có |
| Ngoại ngữ | Không có | Không có |
| Toán | Không có | Không có |
| Khoa học | Không có | Không có |
| Khoa học xã hội | Không có | Không có |

| Môn | Số lượng môn học AP được cung cấp* | Tỷ lệ học sinh lấy môn học AP |
|--------------------|------------------------------------|-------------------------------|
| Tất cả các môn học | Không có | Không có |

*Khi có ít nhất một học sinh đăng ký học môn đó.

Phát triển nghề nghiệp (Ba năm gần đây nhất)

| Phương pháp đo lường | 2018-19 | 2019-20 | 2020-21 |
|--|---------|---------|---------|
| Số ngày học dành riêng cho việc Đào tạo Nhân viên và Cải tiến Liên tục | 5 | 5 | 5 |

Trong thời gian từ năm 2018-2020, giáo viên của Trường Cộng Đồng Community School thuộc Santa Clara đã tham gia nguyên 5 ngày đào tạo chuyên môn hàng năm với toàn thể nhân viên. Ngoài ra, các nhân viên cộng tác tối thiểu 4 giờ mỗi tháng để phát triển chuyên môn chính thức. Bộ Giáo dục Thay thế sử dụng dữ liệu để đưa ra quyết định và xác định các ưu tiên. Trọng tâm hiện tại của Bộ Giáo dục Thay thế là cung cấp một chương trình học vững chắc cho học sinh với sự hỗ trợ cho Học sinh chưa thạo tiếng Anh và Học sinh Khuyết tật. Ngoài ra, Bộ Giáo dục Thay thế cung cấp sự tập trung vào việc làm khớp việc giảng dạy với công việc của học sinh thông qua các Cộng đồng Học tập Chuyên nghiệp. Các lĩnh vực phát triển chuyên môn khác bao gồm tập trung vào Thiết kế Phổ quát cho Học tập, Hỗ trợ Can thiệp Hành vi Tích cực (PBIS) và sự tham gia của học sinh. Việc phát triển chuyên môn được tính vào thời gian làm việc và bao gồm các ngày tan học sớm vào thứ Tư. Giáo viên được cố vấn bởi các huấn luyện viên chuyên nghiệp trong lĩnh vực toán học, khoa học, xã hội học và ELA/ELD. Các nhóm có công việc giống nhau gặp gỡ để hợp tác về Giáo dục Kỹ thuật Nghề nghiệp và phục vụ Học sinh Khuyết tật. Giáo viên và nhân viên được hỗ trợ thông qua chia sẻ dữ liệu, huấn luyện và phối hợp với đồng nghiệp. Kể từ khi COVID-19 xảy ra, việc phát triển chuyên môn đã tập trung vào sự hỗ trợ cho chương trình dạy học từ xa và tiếp cận các gia đình trong cuộc khủng hoảng COVID-19.